

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8- 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Thả;

Bà Thị Amina.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Khu phố Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh N. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trang Anh N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Khu phố Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh N (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày: Bà và ông Trang Anh N chung sống vợ chồng từ năm 1984, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thay đổi tính tình, thường xuyên dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn và cho ông N cơ hội để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: Ông Tranh anh Ny và bà Nguyễn Thị Mỹ Th chung sống có 01 con chung tên Trang Hoàng M, sinh năm 1989. Con chung đã trưởng thành, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trang Anh N: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ Th đối với ông Trang Anh N.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành. Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Trang Anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Trang Anh N chung sống với nhau từ năm 1984, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không có lời trình bày cũng như cung cấp chứng cứ.

Căn cứ vào lời khai của bà Th, kết quả xác minh tại địa phương, thể hiện: Giữa bà Th, ông N chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có tật cờ bạc, thường dùng nhiều lời lẽ xúc phạm vợ con. Bà Th và ông N cũng đã ly thân với nhau từ năm 2017. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Th và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Trang Anh N có 01 con chung tên **Trang Hoàng M**, sinh năm 1989. Con chung đã trưởng thành, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ Th. Bà Nguyễn Thị Mỹ Th được ly hôn với ông Trang Anh N.

2. Về nuôi con chung: Ông Trang Anh N và bà Nguyễn Thị Mỹ Th có 01 con chung tên Trang Hoàng M, sinh năm 1989. Con chung đã trưởng thành, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0007178 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My